

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Toàn, ông Hoàng Duy Am

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 170/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Tiểu B, sinh năm 1987. Địa chỉ: TDP 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S sinh năm 1981. Địa chỉ: TDP 18, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông S có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Y Th Niê sinh năm 1975, bà H Th1 Niê sinh năm 1980. Địa chỉ: Buôn Th, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Th và bà Th1 có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Niê RiTa Vi H. Địa chỉ: Buôn Th, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Phương Th. Địa chỉ: TDP 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà H D Niê sinh năm 1967. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà H D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Tiểu B và đại diện theo ủy quyền của đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Ông Bảo không quen biết với ông Y Th và bà H Th1 mà chỉ quen biết với bà H D. Bà H D giới thiệu cho ông Th và bà H Th1 vay tiền của ông Bảo. Ngày 04/7/2019, giữa ông B và vợ chồng ông Y Th Niê, bà H Th1 Niê ký xác nhận vay của ông B

180.000.000đồng tiền mặt (tổng cộng tiền nợ gốc của 03 lần vay trước đó). Hai bên thỏa thuận thời hạn trả 04/7/2020, lãi suất trong hạn 1,5%/tháng (không ghi trong hợp đồng). Sau khi vay tiền, vợ chồng ông Y Th có trả cho ông B một số lần, mỗi lần vài trăm nghìn, là khoản tiền nước phải trả do chậm trả tiền nợ gốc, không xác định số tiền cụ thể, không phải trả tiền lãi và tiền nợ gốc.

Do thấy gia đình ông Y Th có tài sản và có khả năng trả nợ nên ông B tiếp tục cho ông Y Th vay số tiền 99.000.000đồng vào ngày 29/7/2021, thời hạn trả 29/8/2021, không tính lãi suất trong hạn.

Từ khi vay 02 khoản tiền trên đến nay vợ chồng ông Y Th chưa trả cho ông B khoản tiền nợ gốc và tiền lãi. Tại đơn khởi kiện, ông B yêu cầu vợ chồng ông Y Th phải trả 349.200.000đồng. Bao gồm 180.000.000đồng nợ gốc và 70.200.000đồng tiền lãi theo hợp đồng vay ngày 04/7/2019; 99.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 30/8/2021 đến ngày xét xử 31/5/2022 với mức lãi suất 10%/năm theo hợp đồng vay ngày 29/7/2021. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Th bà Th1 phải trả 338.706.000đồng. Cụ thể:

- Số tiền 180.000.000đồng nợ gốc và 52.274.000đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn (10%/năm từ ngày 04/7/2019 đến ngày 31/5/2022) ($180.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 1.060 \text{ ngày} : 365$). Tổng cộng 232.274.000đồng

- Số tiền 99.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi quá hạn 7.432.000đồng (từ ngày 30/8/2021 đến ngày xét xử 31/5/2022, mức lãi suất 10%/năm ($99.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 274 \text{ ngày} : 365$) theo hợp đồng vay ngày 29/7/2021. Tổng cộng 106.432.000đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2019 đến khi ông B khởi kiện, vợ chồng ông Th còn vay ông B nhiều lần với số tiền ít nên không viết và ký giấy vay, ông Th đã trả hết những khoản tiền này, không liên quan đến 02 khoản nợ nêu trên. Việc vợ chồng ông Y Th cho rằng trong thời gian từ ngày 04/7/2019 đến ngày 29/7/2021, có chuyển tiền vào tài khoản của ông để trả cho 02 khoản nợ trên, ông B không chấp nhận. Ông B từ chối làm rõ những khoản tiền đã chuyển khoản này vì không liên quan đến hai khoản tiền vay theo đơn khởi kiện. Ông B không quen biết và không cho chị Niê RiTa Vi H vay tiền. Việc ông bảo cho vợ chồng ông Y Th vay tiền không liên quan gì đến chị Th2 (vợ của anh B).

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Y Th Niê và bà H Th1 Niê trình bày:*

- Hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019: Trước ngày 04/7/2019, vợ chồng ông Y Th vay tiền của ông B 03 lần tổng cộng là 180.000.000đồng (lần 1 vay 100.000.000đồng, hai lần vay 40.000.000đồng). Lãi suất vay 2.500đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Sau đó vợ chồng ông Y Th đã trả tiền lãi nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể từng lần trả. Đến ngày 04/7/2019, do không trả được nợ gốc, ông B yêu cầu vợ chồng ông Y Th ký nhận nợ số tiền 180.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2021. Lãi suất thỏa thuận ngoài là 2.500đồng/1.000.000đồng/01 ngày không ghi vào hợp đồng vay. Vợ chồng ông Y Th đã trả tổng cộng 281.580.000đồng tiền lãi. Trong đó có

chứng từ 94.900.000đồng, tiền trả trực tiếp không có giấy tờ 186.680.000đồng. Cụ thể:

+Nộp tiền vào số tài khoản Ngân hàng BIDV 63210000212722 của ông B tổng 37.800.000đồng (có chứng từ), cụ thể: Ngày 23/9/2019, bà H Th1 trả 10.000.000đồng chuyển qua bưu điện M; Ngày 27/9/2019, bà H Th1 trả 6.200.000đồng nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện M (gọi tắt Agribank); Ngày 24/10/2019, bà H Th1 trả 3.000.000đồng chuyển tại bưu điện M; Ngày 01/11/2019, bà H Th1 trả 3.000.000đồng nộp tại Agribank; Ngày 06/11/2019, bà H Th1 trả 5.200.000đồng nộp tại Agribank; Ngày 06/12/2019, bà H Th1 trả 3.200.000đồng, nộp tại Agribank; Ngày 12/01/2020, bà H Th1 trả 2.200.000đồng chuyển tại bưu điện M'Đrăk; Ngày 19/6/2020, ông Y Th trả 5.000.000đồng nộp tại Agribank.

+Chuyển khoản qua ứng dụng banking trên điện thoại di động từ tài khoản 5210205016478 của ông Y Th mở tại Agribank vào số tài khoản 5210205128256 mở tại Agribank của ông B tổng cộng 22.900.000đồng (đã trừ 5.000.000đồng nộp tài khoản ngày 19/6/2020).

+ Chuyển khoản qua ứng dụng banking trên điện thoại di động từ tài khoản 5210205128256 của bà H Th mở tại Agribank vào số tài khoản 5210205128256 mở tại Agribank của ông B tổng cộng 8.000.000đồng.

+ Chuyển khoản qua ứng dụng banking trên điện thoại di động từ tài khoản 5210205150249 của chị Niê RiTa Vi H mở tại Agribank vào số tài khoản 5210205128256 mở tại Agribank của ông B tổng cộng 26.200.000đồng.

+ Trả tiền mặt không có giấy tờ 186.680.000đồng, trong đó: Ông Th trả trực tiếp bằng tiền mặt cho ông B tổng cộng 108.480.000đồng; Giao tiền nhờ bà H D trả cho ông Bảo tổng cộng 76.200.000đồng(do bà H D là đồng nghiệp với bà H Th1 và vợ ông B là bà Nguyễn Thị Phương Th2) và bà H Th1 đã trả trực tiếp cho bà Th2 2.000.000 đồng ngày 07/5/2021 (có bảng kê kèm theo).

- Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2021: Do tình hình dịch bệnh kéo dài, vợ chồng ông Y Th chưa trả được nợ gốc cho ông B. Ngày 29/7/2021, ông B yêu cầu vợ chồng ông Y Th phải ký nhận nợ số tiền lãi là 99.000.000 đồng (tiền lãi của khoản tiền 180.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019 chuyển thành nợ gốc), thời hạn trả ngày 29/8/2021, không tính lãi suất. Trước đó ông B đã đe dọa đưa việc ông Th nợ ông Bảo đến cơ quan, chi bộ, huyện ủy. Ông Y Th lo sợ sẽ ảnh hưởng đến uy tín và công việc nên vợ chồng ông Y Th buộc phải ký nhận nợ.

Từ ngày 29/7/2021 đến nay vợ chồng ông Y Th chưa trả thêm cho ông B khoản tiền nào. Ông Y Th và bà H Th1 chỉ chấp nhận trả cho ông Bảo số nợ gốc 180.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 04/7/2019. Số tiền còn lại không đồng ý trả vì tiền lãi trên nợ gốc nợ gốc 180.000.000đồng đã trả rất nhiều lần, số tiền 99.000.000đồng ký xác nhận ngày 29/7/2021 là tiền lãi. Vợ chồng ông Y Th đề nghị tính lãi lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định là 10%/năm. Số tiền vợ

chồng ông Y Th đã trả vượt quá mức lãi phải trừ vào số tiền nợ còn lại.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** Chị Niê RiTa Vi Hg, bà Nguyễn Phương Th2 đã được triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn (ông Đỗ Tiểu B) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (vợ chồng ông Y Th Niê, bà H Th1 Niê) phải trả tiền theo hợp đồng vay, mượn tiền. Bị đơn có nơi cư trú tại: Buôn Th, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Niê RiTa Vi H, chị Nguyễn Phương Th2 nhưng chị H và chị Th2 không có mặt, không có văn bản ủy quyền cũng như văn bản ghi nhận ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Chị H và chị Th2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS HĐXX xét xử vắng mặt chị H và chị Th2. Kiểm sát viên vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 232, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019: bị đơn ký xác nhận vay của nguyên đơn 180.000.000đồng, thời hạn trả 04/7/2020, các đương sự đều thừa nhận nội dung và chữ ký trong hợp đồng vay. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS giấy vay tiền ngày 04/7/2019 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Agribank và Ngân hàng BIDV, cùng tài liệu chứng cứ bị đơn đã giao nộp, xác định được bị đơn đã trả cho nguyên đơn 94.900.000đồng từ ngày 04/7/2019 đến nay 29/7/2021, bị đơn xác định đây là tiền lãi đã trả cho khoản tiền nợ ngày 04/7/2019.

Nguyên đơn cho rằng đây không phải trả tiền lãi và tiền gốc của khoản tiền vay ngày 04/7/2019, mà là khoản tiền trả cho những khoản tiền bị đơn trả cho nguyên đơn những khoản vay khác, không có giấy tờ. Về khoản tiền nước do trả quá hạn nguyên đơn không xác định được cụ thể trả bao nhiêu tiền, không phải tiền nợ gốc và lãi của khoản vay nói trên. Lời trình bày của nguyên đơn có sự mâu thuẫn, không có căn cứ để xác định khoản tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn nói trên là trả cho khoản nợ khác.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất mức lãi trong hạn

và quá hạn 10%/năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 điều 468 BLDS nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi 52.274.000đồng trên nợ gốc 180.000.000đồng từ 04/7/2019 đến ngày 31/5/2022, mức lãi 10%/năm là phù hợp nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn chứng minh được từ ngày 04/7/2019 đến ngày 29/7/2021 đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 94.900.000đồng tiền lãi vào số tài khoản của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã trả tiền lãi vượt quá mức lãi mà nguyên đơn yêu cầu 42.626.000đồng. Bị đơn yêu cầu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào tiền nợ gốc 180.000.000đồng là phù hợp nên cần chấp nhận. Như vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn 137.374.000đồng nợ gốc theo hợp đồng vay ngày 04/7/2019

Đối với số tiền lãi 186.680.000đồng bị đơn trả trực tiếp không có giấy tờ và không có cơ sở và chứng minh nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

[2.1] Xét hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2021, bị đơn tiếp tục ký xác nhận nợ nguyên đơn 99.000.000đồng, thời hạn trả 29/8/2021, không lãi suất. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ để xác định đây là khoản tiền lãi chưa trả của khoản tiền vay 180.000.000đồng vay ngày 04/7/2019 và không có chứng cứ chứng minh có hành vi ép buộc ký giấy nhận nợ, nguyên đơn không công nhận nội dung này. Bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào.

Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 466 BLDS, bị đơn phải trả tiền nợ gốc theo quy định. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 1 Điều 357 BLDS. Lãi suất quá hạn và thời gian tính lãi mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS, HĐXX cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn 7.432.000đồng.

* Như vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn 137.374.000đồng nợ gốc theo hợp đồng ngày 04/7/2019; 99.000.000đồng nợ gốc theo hợp đồng ngày 29/7/2021 và tiền lãi 7.432.000đồng. Tổng cộng 243.806.000đồng.

[2.3] Vấn đề khác:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng cộng 349.200.000đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng cộng 338.706.000đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện nên cần chấp nhận.

Số tiền 94.900.000đồng (bao gồm 52.274.000đồng tiền lãi và 42.626.000đồng nợ gốc) bị đơn chứng minh được đã trả cho nguyên đơn. HĐXX cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 94.900.000đồng (bao gồm 52.274.000đồng tiền lãi và 42.626.000đồng nợ gốc của khoản vay ngày 04/7/2019).

Bị đơn cho rằng nguyên đơn có hành vi cho vay nặng lãi. Tuy nhiên bị đơn chỉ chứng minh được đã trả tiền lãi 94.900.000đồng đồng bị đơn trả từ ngày 04/7/2019

đến ngày 29/7/2021, tương đương mức lãi suất 23%/năm, không chứng minh được số tiền trả trực tiếp không có giấy tờ 186.680.000đồng. Do đó không có căn cứ để xác định có hành vi cho vay nặng lãi của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận là 12.190.300đồng (243.806.000đồngx 5%). Bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

- Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận 4.745.000đồng (94.900.000đồng x5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 468; Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về lãi suất.

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Y Th Niê bà H Th1 Niê phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ Tiểu B số tiền 243.806.000đồng. Trong đó 137.374.000đồng nợ gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019; 99.000.000đồng nợ gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2021 và tiền lãi 7.432.000đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tiểu B đối với số tiền 94.900.000đồng mà bị đơn vợ chồng ông Y Th, bà H Th1 đã trả cho ông B (bao gồm 52.274.000đồng tiền lãi và 42.626.000đồng nợ gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019).

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí cho bị đơn.

- Nguyên đơn phải chịu 4.745.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 8.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

60AA/2021/0005175 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Trả lại cho nguyên đơn 3.975.000đồng.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu Văn thư;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hải